

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2025/HS-ST**

Ngày: 25/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sóng Thành

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hải Quan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm - Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và điểm cầu thành phần - Hội trường xét xử trực tuyến – Phân trại tạm giam khu vực T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 03 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 71/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang V, sinh năm: 1991 tại Đồng Nai, CCCD số 0750.9101.9096, cấp ngày 30/08/2024, nơi cấp: Bộ C2; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Đinh Thị V1, sinh năm 1962 và con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; bị cáo là con thứ 03 trong gia đình có 05 anh chị em; chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 25/10/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/07/2024; Về án phí HSST chấp hành xong ngày 19/04/2024.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T từ ngày 31/12/2024 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần)

*** Bị hại:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

*** Người làm chứng:** Ông **Tôn Quang H1**, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

** Người tham gia tố tụng khác:* Ông Nguyễn Văn C1, ông Lê Minh V2, ông Nguyễn Trần Hoàng L - điểm cầu P trại tạm giam khu vực T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang V là đối tượng đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong án phạt tù ngày 19/7/2024. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương V không tu chí làm ăn, sinh sống mà tiếp tục trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T bán lấy tiền phục vụ cho nhu cầu bản thân, cụ thể:

Vào khoảng 12 giờ 50 phút ngày 29/11/2024 Nguyễn Quang V đi bộ bên hông chợ Đ thuộc khu phố L, thị trấn D, huyện T thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô biển số 77H9-1055, nhãn hiệu LINDA LIFAN, màu bạc-đen, có sẵn chìa khóa trên xe để trước cửa hàng mua bán trái cây của gia đình anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1998, trú tại tổ A, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Quang V lén lút tiếp cận rồi lấy trộm xe mô tô chạy ra đường Quốc lộ 20 hướng về xã Q, huyện T cùng lúc này gia đình anh H phát hiện truy đuổi nhưng không kịp. Sau khi trộm cắp được xe mô tô biển số 77H9-1055 Nguyễn Quang V đi đến ấp N, xã Q bán cho người đàn ông đang đi thu mua ve chai (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 500.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến ngày 31/12/2024, Nguyễn Quang V nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên đã đến Công an thị trấn D để đầu thú về hành vi trộm cắp của mình.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện T kết luận: 01 xe mô tô biển số 77H9-1055, nhãn hiệu LINDA LIFAN, số loại 110, màu bạc-đen, số máy 1P52FMH320270040, số khung VVTPCH022VT00532, (đã qua sử dụng) có trị giá 2.533.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS-TN ngày 18 tháng 03 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Nguyễn Quang V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V từ 01 năm 08 tháng tù đến 02 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại – anh Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (anh H có đơn xin xét xử vắng mặt), tuy nhiên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 12 giờ 50 phút ngày 29/11/2024 tại khu phố L, thị trấn D, huyện T (khu vực Đầu mối nông sản thực phẩm D) Nguyễn Quang V đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 77H9-1055 của anh Nguyễn Văn H, trị giá 2.533.000 đồng, rồi đem đến xã Q bán cho 01 người đàn ông không xác định tên, tuổi nơi cư trú với giá 500.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 31/12/2024, Nguyễn Quang V bị phát hiện nên đã đến Công an thị trấn D đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp của mình.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Quang V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... ”.

Do đó, Cáo trạng số 38/CT-VKS-TN ngày 18 tháng 03 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Nguyễn Quang V về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Lẽ ra là thanh niên, bị cáo phải nỗ lực phấn đấu, tu dưỡng bản thân, lao động để tạo ra của cải vật chất, giúp đỡ gia đình và xã hội nhưng bị cáo lại đi vào con đường phạm tội. Do đó cần phải có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 25/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà bị cáo tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, biết hối cải và ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về quyết định hình phạt:* Căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” thể hiện bị cáo không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Vì vậy, cần cách ly bị cáo V ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Căn cứ tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về biện pháp tư pháp:*

+ 01 Xe mô tô biển số 77H9-1055 do Nguyễn Quang V trộm cắp bán cho người mua ve chai nhưng đến nay chưa xác định người mua xe và chưa thu hồi được. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng đến nay chưa có kết quả nên chưa có cơ sở xử lý vật chứng. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

+ Bị cáo phải nộp số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung công quỹ nhà nước.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo Nguyễn Quang V bồi thường thiệt hại số tiền 2.533.000 đồng theo kết luận định giá tài sản số 24 ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện T. Số tiền này bị cáo phải bồi thường dân sự cho bị hại.

[9] *Về nội dung khác:*

- Đối với người đàn ông đã mua xe trộm cắp được của V gần Trường Tiểu học N thuộc xã Q, huyện T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

- Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Quang V còn khai nhận đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn xã B, xã Q, huyện T vào ngày 02/12/2024 và thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/12/2024. Qua xác minh chưa xác định được bị hại, chưa thu giữ được vật chứng nên chưa có căn cứ xử lý, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xử lý khi có căn cứ.

[10] *Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[11] *Về án phí:* Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[12] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang V phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V **02 (Hai)** năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2024.

2. *Về biện pháp tư pháp:*

Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang V phải nộp số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách nhà nước.

3. *Về trách nhiệm dân sự:*

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Quang V phải bồi thường số tiền là 2.533.000đ (Hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng) cho bị hại anh Nguyễn Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Quang V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CQTHAHS khu vực Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh

